



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 473.07L/0925

Tên phương tiện đo (Object): **KÍCH THỦY LỰC**  
(HYDRAULIC CYLINDERS)

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N°): 260412

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Khả năng tạo tải tối đa (Capacity): 2000 kN

- Bộ bơm thủy lực: + Kiểu (Type): N/A

+ Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

(Set of hydraulic pump) + Số hiệu (Serial N°): N/A

- Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu (Type): Lò xo ống

+ Nơi sản xuất (Manufacturer): MC

(Pressure gauge) + Số hiệu (Serial N°): 720812

+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 60) MPa

+ Giá trị vạch chia (Division): 1 MPa

+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25L/07A

Cơ sở sử dụng:  
(Customer)

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi Hiệu chuẩn:  
(Place of Calibration)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 06 : 2022 Kích thủy lực, máy (dàn) ép cọc thủy lực - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)  
06L/HC

Tên chuẩn (Description)  
Load cell 3000 kN

Liên kết chuẩn (Traceability)  
VMI

Hiệu Lực (Due Date)  
01-2027

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,4 ÷ 28,5) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25L/07

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 10 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

P. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
D. (Head of Metrology)

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



VILAS 1265

**Lâm Quốc Dương**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)  
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): 473.07L/0925

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) MPa	Giá trị tính toán (Calculated value) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0	/	0,00	/
10	430,69	423,02	1,46
15	650,03	639,51	1,09
20	869,37	873,26	1,00
25	1088,72	1093,52	1,00
30	1308,06	1309,05	1,00
35	1527,40	1529,33	1,00
40	1746,75	1745,44	1,00
42	1834,48	1835,42	1,00
45	1966,09	1965,02	1,00

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation):  $y = 43,8687x - 8,0017$

Với (With): y: Giá trị tính toán, kN  
(y: Calculated value, kN)  
x: Giá trị đọc trên phương tiện đo, MPa  
(x: Reading on tester, MPa)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%  
(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu, District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.02L/0925

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ NÉN (COMPRESSION TESTING MACHINE)**  
 Kiểu (Type): **TYE-2000B**  
 Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): **168** Mã nhận dạng (ID): **N/A**  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): **China** Năm sản xuất (Year): **2008**  
 Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Khả năng đo tối đa (Capacity): **2000 kN**  
 - Chỉ thị hiện số (Digital Indicator):

+ Thang đo 1 (Measuring range 1): (0 ÷ 100) kN Giá trị độ chia (Division): **0,1 kN**

+ Thang đo 2 (Measuring range 2): (0 ÷ 2000) kN Giá trị độ chia (Division): **0,1 kN**

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Place of calibration) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002 Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
05L/HC	Load Cell 1000 kN	VMI	01-2027
06L/HC	Load Cell 3000 kN	VMI	01-2027

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): **(28,1 ÷ 28,5) °C**

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): **Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)**

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): **473.25L/02**

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): **08-9-2025**

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): **08-9-2026**

**Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025**

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

**D. (Head of Metrology)**

**KT. GIÁM ĐỐC**

(Director)



**VILAS 1265**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.02L/0925

Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading on tester kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn Average reading on cal. device kN	Sai số tương đối Relative error %	Độ không đảm bảo đo Uncertainty %
Thang đo 1 (1. Scale) : 1000 kN			
100,0	100,46	-0,46	0,5
200,0	201,37	-0,68	0,6
300,0	300,78	-0,26	0,5
400,0	402,30	-0,57	0,5
500,0	500,65	-0,13	0,5
600,0	601,47	-0,24	0,5
700,0	702,00	-0,29	0,5
800,0	802,11	-0,26	0,5
900,0	901,20	-0,13	0,5
Thang đo 2 (2. Scale) : 2000 kN			
200,0	201,01	-0,50	0,5
400,0	399,31	0,17	0,5
600,0	598,26	0,29	0,5
800,0	797,02	0,37	0,5
1000,0	998,86	0,11	0,5
1200,0	1200,66	-0,05	1,0
1400,0	1399,60	0,03	1,0
1600,0	1600,10	-0,01	1,0
1800,0	1800,52	-0,03	1,0

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 109:2002. Cấp chính xác 1  
(This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 109:2002. Accuracy class 1)

- Sai số cho phép:  $\pm 1\%$ .  
(Permitted error:  $\pm 1\%$ ).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%  
(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

# GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

## CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 0088 /MKN/2025

Tên đối tượng:

MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN

Object:

Kiểu: TYE-2000B

Số: 168

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất: China

Năm: 2008

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

+ Cấp chính xác: 1

Specifications:

Accuracy:

+ Thang đo 1:

(0 ÷ 1000) kN

Giá trị độ chia: 0,1 kN

Measuring range 1:

Division:

+ Thang đo 2:

(0 ÷ 2000) kN

Giá trị độ chia: 0,1kN

Measuring range 2:

Division:

Nơi sử dụng:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C

Place:

Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Đơn vị sử dụng:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C

User:

Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện:

ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén -

Method of verification:

Quy trình kiểm định

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định:

65A 11184

Verification stamp N<sup>o</sup>:

Thời hạn đến: (\*)

30-9-2026

Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 10 tháng 9 năm 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Hữu Phước

GIÁM ĐỐC

Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Số (Số): 0088 /MKN/2025

- Chế độ kiểm định: Kiểm định định kỳ  
Mode of Verification: Subsequent verification

- Phương kiểm định: Nén  
Direction of verification: Compression

Phạm vi đo (Measuring range) : 1000 kN		
Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,0	0,00	/
200,0	201,37	-0,68
400,0	402,30	-0,57
600,0	601,47	-0,24
800,0	802,11	-0,26
1000,0	1001,26	-0,13
Phạm vi đo (Measuring range) : 2000 kN		
Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,0	0,00	/
400,0	399,31	0,17
800,0	797,02	0,37
1200,0	1200,66	-0,05
1600,0	1600,10	-0,01
2000,0	2000,52	-0,03

gh



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.01L/0925

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ KÉO NÉN (UNIVERSAL TESTING MACHINE)**  
Kiểu (Type): WE-1000B  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 091163 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): 2009  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Khả năng đo tối đa (Capacity): 1000 kN  
- Chỉ thị đồng hồ (Analogue Indicator):

+ Thang đo 1 (Measuring range 1): (0 ÷ 200) kN Giá trị độ chia (Division): 0,5 kN  
+ Thang đo 2 (Measuring range 2): (0 ÷ 500) kN Giá trị độ chia (Division): 1 kN  
+ Thang đo 3 (Measuring range 3): (0 ÷ 1000) kN Giá trị độ chia (Division): 2 kN

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Place of calibration) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 109 : 2002 Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
04L/HC	Load Cell 300 kN	VMI	01-2027
05L/HC	Load Cell 1000 kN	VMI	01-2027

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (27,9 ÷ 28,4) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25L/01

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025  
(Date of issue)

P. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Head of Metrology)



**Lâm Quốc Dương**

K. **GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.01L/0925

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester</i> kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on cal. device</i> kN	Sai số tương đối <i>Relative error</i> %	Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> %	Phương trình hiệu chuẩn <i>Calibration equation</i>
Thang (Range): 200 kN				
0,0	0,000	/	/	$y = 1,0088x - 0,1087$
20,0	20,117	-0,58	0,5	
40,0	40,345	-0,86	0,5	
60,0	60,384	-0,64	0,5	
80,0	80,425	-0,53	0,5	
100,0	100,657	-0,65	0,5	
120,0	120,774	-0,64	0,5	
140,0	141,068	-0,76	0,5	
160,0	161,348	-0,84	0,5	
180,0	181,710	-0,94	0,5	
Thang (Range): 500 kN				
0	0,00	/	/	$y = 0,9978x + 0,345$
50	50,34	-0,68	0,5	
100	100,34	-0,34	0,5	
150	150,25	-0,17	0,5	
200	200,09	-0,05	0,5	
250	249,54	0,18	0,5	
300	299,35	0,22	0,5	
350	349,61	0,11	0,5	
400	399,59	0,10	0,5	
450	449,30	0,16	0,5	
Thang (Range): 1000 kN				
0	0,00	/	/	$y = 0,997x + 0,0888$
100	100,35	-0,35	0,5	
200	200,00	0,00	0,5	
300	298,43	0,53	0,5	
400	398,47	0,38	0,5	
500	498,71	0,26	0,5	
600	598,53	0,25	0,5	
700	697,08	0,42	0,5	
800	797,47	0,32	0,5	
900	898,25	0,19	0,5	

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 109:2002. Cấp chính xác 1

(*This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 109:2002. Accuracy class 1*)

- Sai số cho phép:  $\pm 1\%$ . (*Permitted error:  $\pm 1\%$* ).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(*The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level*)

+ Với (With)  $y$ : Giá trị tính toán (*Calculated value*), kN

$x$ : Giá trị đọc trên phương tiện đo (*Reading value*), kN

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(*This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities*)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(*This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments*)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(*This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho*)

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

### CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 0087 /MKN/2025

MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN

Tên đối tượng:

Object:

Kiểu: WE-1000B

Type:

Nơi sản xuất: China

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: + Cấp chính xác: 1

Specifications:

+ Thang đo 1: (0 ÷ 200) kN

Measuring range 1:

+ Thang đo 2: (0 ÷ 500) kN

Measuring range 2:

+ Thang đo 3: (0 ÷ 1000) kN

Measuring range 3:

Số: 091163

Serial No:

Năm: 2009

Year:

Giá trị độ chia: 0,5 kN

Division:

Giá trị độ chia: 1 kN

Division:

Giá trị độ chia: 2 kN

Division:

Nơi sử dụng:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C

Place:

Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Đơn vị sử dụng:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C

User:

Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện:

Method of verification:

ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén -

Quy trình kiểm định

Kết luận:

Conclusion:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Số tem kiểm định:

Verification stamp N<sup>o</sup>:

65A 11183

Thời hạn đến: (\*)

Valid until:

30-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 10 tháng 9 năm 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Hữu Phước

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

0087 /MKN/2025

- Chế độ kiểm định: Kiểm định định kỳ  
Mode of Verification: Subsequent verification

- Phương kiểm định: Nén  
Direction of verification: Compression

Phạm vi đo (Measuring range) : 200 kN		
Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0,0	0,000	/
40,0	40,298	-0,74
80,0	80,376	-0,47
120,0	120,673	-0,56
160,0	161,363	-0,84
200,0	201,585	-0,79
Phạm vi đo (Measuring range) : 500 kN		
Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0	0,00	/
100	100,35	-0,35
200	199,85	0,08
300	299,30	0,23
400	399,69	0,08
500	499,53	0,09
Phạm vi đo (Measuring range) : 1000 kN		
Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số tương đối Relative Error
kN	kN	%
0	0,00	/
200	199,86	0,07
400	398,88	0,28
600	598,38	0,27
800	797,93	0,26
1000	997,63	0,24



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 473.03L/0925

Tên phương tiện đo (Object): **VÒNG LỰC (LOAD RING)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N°): A3592 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):

- Khả năng đo tối đa (Capacity): 30 kN
- Đồng hồ so (Dial indicator):

  - + Kiểu (Type): N/A
  - + Số hiệu (Serial N°): J 191999
  - + Cơ sở sản xuất (Manufacturer): SHAN
  - + Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm
  - + Giá trị vạch chia (Division): 0,01 mm
  - + Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25L/03A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Place of calibration) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 108 : 2002 Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
03L/HC	Load Cell 75 kN	VMI	01-2027

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (27,3 ÷ 27,7) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25L/03

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

P. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)



VILAS 1265

K.T. **GIÁM ĐỐC**

(Director)



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.03L/0925

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester</i> mm	Giá trị tính toán <i>Calculated value</i> kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on cal. device</i> kN	Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> %
1,00	/	0,000	/
1,50	6,265	6,304	0,58
1,75	9,361	9,375	0,53
2,00	12,458	12,452	0,52
2,25	15,554	15,578	0,53
2,50	18,651	18,740	0,56
2,75	21,747	21,736	0,52
3,00	24,844	24,815	0,52
3,25	27,940	27,891	0,53

- Phương trình hiệu chuẩn (*The calibration equation*):  $y = 12,3861x - 12,3146$

+ Với (*With*)  $y$ : Giá trị tính toán (*Calculated value*), kN

$x$ : Giá trị đọc trên phương tiện đo (*Reading value*), mm

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 108:2002. Cấp chính xác 1

(*This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 108:2002. Accuracy class.1*)

- Sai số cho phép:  $\pm 1\%$  giá trị đọc.

(*Permitted error:  $\pm$  % reading value*).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(*The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level*)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(*This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities*)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(*This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments*)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(*This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho*)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.04L/0925

Tên phương tiện đo (Object): **VÒNG LỰC (LOAD RING)**  
 Kiểu (Type): N/A  
 Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): A0722 Mã nhận dạng (ID): N/A  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
 Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): - Khả năng đo tối đa (Capacity): 50 kN  
 - Đồng hồ so (Dial indicator): + Kiểu (Type): N/A  
 + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): A 66120  
 + Cơ sở sản xuất (Manufacturer): SHAN  
 + Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 5) mm  
 + Giá trị vạch chia (Division): 0,01 mm  
 + Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25L/04A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Place of calibration) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 108 : 2002 Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
03L/HC	Load Cell 75 kN	VMI	01-2027

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (27,3 ÷ 27,6) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25L/04

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D. (Head of Metrology)

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



VILAS 1265

**Lâm Quốc Dương**



**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.04L/0925

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester</i> mm	Giá trị tính toán <i>Calculated value</i> kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on cal. device</i> kN	Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> %
1,00	/	0,000	/
1,50	10,830	10,821	0,50
1,75	16,182	16,237	0,50
2,00	21,533	21,558	0,50
2,25	26,885	27,007	0,50
2,50	32,237	32,320	0,50
2,75	37,589	37,636	0,50
3,00	42,940	42,849	0,50
3,25	48,292	48,186	0,50

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation):  $y = 21,4071x - 21,2809$

+ Với (With)  $y$ : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

$x$ : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), mm

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 108:2002. Cấp chính xác 1

(This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 108:2002. Accuracy class 1)

- Sai số cho phép:  $\pm 1\%$  giá trị đọc. (Permitted error:  $\pm$  % reading value).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 473.08K/0925

Tên phương tiện đo (Object): **Cân kỹ thuật (Technical balance)**  
 Kiểu (Type): PA4102  
 Số hiệu (Serial N°): 8329160282 Mã nhận dạng (ID): N/A  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Ohaus Năm sản xuất (Year): N/A  
 Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Mức cân lớn nhất (Max. capacity): 4100 g  
 - Mức cân nhỏ nhất (Min. capacity): 5 g  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 g

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Place of calibration) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: **ĐLCT 01 : 2022 Cân cấp chính xác I và II - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Method of calibration) (Balance of class I and II - Calibration procedure)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due date)
(02 + 03)K/HC	Bộ quả cân chuẩn (Set of weights) F <sub>1</sub>	Trung Tâm Đo Lường - ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (27,5 ÷ 27,9) °C (55 ÷ 58) %RH  
- Nhiệt độ thay đổi không vượt quá (The change in temperature should not exceed): ± 1 °C/h

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25K/08

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



VILAS 1265



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang: (No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): 473.08K/0925

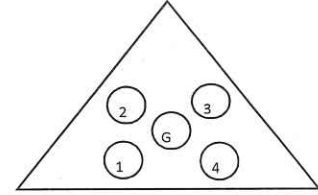
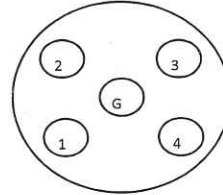
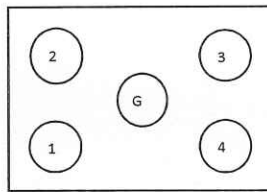
### 1. Độ lặp lại (Repeatability)

Mức cân (Load), g	Độ lệch chuẩn (Standard deviation of reading), g
2000	0,005
4000	0,005

### 2. Độ lệch tâm (Eccentricity):

Mức cân (Load), g	2000				
Vị trí đặt tải (Load position)	G	1	2	3	4
Sai lệch (difference), g	0,00	0,00	0,00	0,00	-0,01
Lệch tâm lớn nhất, g (Maximum difference)	0,01				

Sơ đồ (Sketch):



### 3. Độ đúng (Accuracy):

Mức cân (Load) g	Giá trị đọc mức cân (Balance Reading) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) mg
2	2	0,00	14
20	20	0,00	14
50	50	0,00	14
100	100	0,00	14
200	200	0,00	14
500	500	0,00	14
1000	999,99	0,01	15
2000	1999,98	0,02	19
3000	2999,98	0,02	80
4000	3999,98	0,02	80

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo OIML R 76-1 : 2006. Cấp chính xác II  
(This Instrument has been calibrated complying with OIML R 76-1:2006. Accuracy class II)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%  
(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)  
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 473.09K/0925

Tên phương tiện đo (Object): **Cân đĩa**  
 Kiểu (Type): **BC30**  
 Số hiệu (Serial N°): **8025518825** Mã nhận dạng (ID): **N/A**  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): **Ohaus** Năm sản xuất (Year): **N/A**  
 Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Mức cân lớn nhất (Max. capacity): **30000 g**  
 - Mức cân nhỏ nhất (Min. capacity): **20 g**  
 - Giá trị độ chia (Division): **1 g**

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Place of calibration) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: **ĐLCT 07 : 2022 Cân cấp chính xác III - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Method of calibration) (Balance of class III - Calibration procedure)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lọc (Due Date)
(02 ÷ 03)K/HC	Bộ quả cân chuẩn (Set of weights)	F <sub>1</sub> Trung Tâm Đo Lường - ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (27,5 ÷ 27,8) °C (56 ÷ 58) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25K/09

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

D. (Head of Metrology)

K. GIÁM ĐỐC

(Director)



VILAS 1265



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nghị

Lâm Quốc Dương

Trang: (No of Paper)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): 473.09K/0925

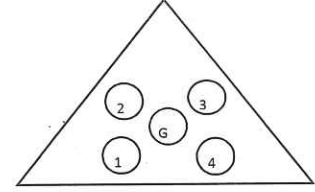
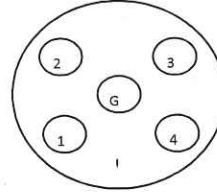
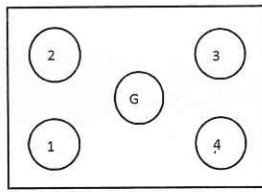
### 1. Độ lặp lại (Repeatability):

Mức cân (Load), g	Độ lệch chuẩn (Standard deviation of reading), g
15000	0,548
30000	0,000

### 2. Độ lệch tâm (Eccentricity):

Mức cân (Load), g	10000				
Vị trí đặt tải (Load position)	G	1	2	3	4
Sai lệch (difference), g	0	0	-1	-1	0
Lệch tâm lớn nhất, g (Maximum difference)	1				

Sơ đồ (Sketch):



### 3. Độ đúng (Accuracy):

Mức cân (Load) g	Gía trị đọc mức cân (Balance Reading) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) g
20	20	0	1,4
1000	1000	0	1,4
2000	2000	0	2,2
5000	5000	0	2,2
10000	10000	0	2,2
20000	19999	1	4,1
25000	24999	1	8,2
30000	29999	1	8,2

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo OIML R 76-1 : 2006. Cấp chính xác III

(This Instrument has been calibrated complying with OIML R 76-1:2006. Accuracy class III)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)  
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No): 473.10N/0925

Tên phương tiện đo (Object): **TỦ SẤY (DRY OVEN)**  
Kiểu (Type): 101-2A Mã nhận dạng (ID): N/A  
Số hiệu (Serial No): 39560 Năm sản xuất (Year): 2012  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi nhiệt độ (Range): 300 °C (Max)  
(Specifications) - Giá trị độ chia (Division value): 1 °C  
- Bộ hiển thị nhiệt độ (Temperature display set): Chỉ thị hiện số (Digital Indicator)  
- Kích thước bên trong (Internal dimension) (W x D x H) (450 x 550 x 550) mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Place of calibration) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: **ĐLCT 03: 2024 Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Method of calibration) (Thermal Chamber - Calibration procedure)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
07N/HC	Bộ đo nhiệt độ đa kênh (Digital temperature recorder)	Quatest 2	02-2026

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,4 ÷ 28,5) °C (56 ÷ 58) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25N/10

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D. (Head of Metrology)



VILAS 1265

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)  
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): 473.10N/0925

Nhiệt độ đặt (Set Temperature) °C	Giá trị chỉ thị trung bình (Average Indication Value) °C	Giá trị chuẩn trung bình (Average Reference Value) °C	Số hiệu chỉnh (Correction) °C	Độ đồng đều (Uniformity) °C	Độ ổn định/30 min (Stability/30 min) °C	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) °C
105	105	106,98	1,98	± 0,81	± 0,75	1,58

BẢNG SỐ LIỆU (DATA TABLE)

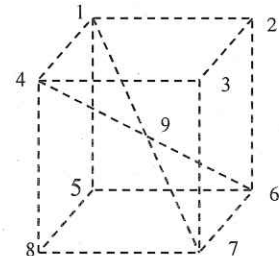
Nhiệt độ đặt (Set Temperature) °C	Thời điểm kiểm tra (*) (lần đo thứ j = 1, ... n)	Giá trị chỉ thị (Indication Value) °C	Giá trị chuẩn, °C (Reference Value, °C)								
			Vị trí 1 (Posit 1)	Vị trí 2 (Posit 2)	Vị trí 3 (Posit 3)	Vị trí 4 (Posit 4)	Vị trí 5 (Posit 5)	Vị trí 6 (Posit 6)	Vị trí 7 (Posit 7)	Vị trí 8 (Posit 8)	Vị trí 9 (Posit 9)
105	1	105	106,30	106,65	107,25	106,56	107,50	106,79	107,15	107,03	106,52
	2	105	107,75	107,60	106,85	107,66	106,80	106,14	106,30	106,33	107,27
	3	105	107,10	106,95	106,50	107,06	107,55	106,54	106,45	107,43	107,42
	4	105	106,95	107,20	107,60	107,16	106,90	106,14	107,20	106,23	106,32
	5	105	107,65	106,90	106,20	107,51	107,25	107,09	107,30	106,98	107,67
	6	105	106,30	106,50	107,45	107,21	107,60	106,39	107,40	107,08	106,87
	7	105	106,95	107,15	107,20	106,31	107,30	107,09	107,60	106,63	106,97
	8	105	107,30	107,35	106,35	107,46	106,75	106,74	107,25	106,53	106,62
	9	105	106,90	107,45	107,20	107,46	107,35	106,79	107,45	107,18	107,47
	10	105	106,55	107,75	107,45	106,21	106,50	107,34	107,10	106,98	106,82
	11	105	107,40	107,20	107,70	106,56	106,50	107,54	106,70	107,48	106,77
	12	105	107,55	107,75	106,35	107,51	106,80	107,04	106,90	106,73	106,87
	13	105	106,25	106,60	106,65	106,56	106,25	106,24	107,30	106,38	106,77
	14	105	106,50	107,15	107,45	106,91	106,75	107,34	106,30	107,63	106,37
	15	105	107,60	106,40	107,60	106,81	107,30	106,19	107,45	106,48	107,47

(\*) : Sau khi nhiệt độ đã ổn định (After the temperature has reached the steady state value)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

Mặt trước: mặt phẳng (4,8,7,3)  
Front surface of (4,8,7,3)



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No): 473.13D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY LOS ANGELES**

Kiểu (Type): **MH-II**

Số hiệu (Serial No): **13901**

Mã nhận dạng (ID): **N/A**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **China**

Năm sản xuất (Year): **N/A**

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**

(Customer) **Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang**

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**

(Place of calibration) **Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang**

Phương pháp thực hiện: **ĐLCT 10 : 2022 Máy Los Angeles - Quy trình hiệu chuẩn**

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ
09D/HC	Máy đo tốc độ vòng quay	MICRO PRECISION
11D/HC	Thước cuộn	MICRO PRECISION
104K/HC	Cân kỹ thuật	ĐL Cần Thơ

Kết quả (Results): **Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)**

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): **473.25D/13**

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): **08-9-2025**

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): **08-9-2026**

**Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025.**

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

**D. (Head of Metrology)**

**Lâm Quốc Dương**

**K. GIÁM ĐỐC**

**(Director)**

**PHỤ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)  
**1/2**

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): 473.13D/0925

Kết quả kiểm tra (Test results):

1. Trọng lượng viên bi (Ball weight):

Viên bi	Trọng lượng (g)	Viên bi	Trọng lượng (g)
1	432,08	7	423,18
2	431,09	8	411,99
3	420,51	9	442,02
4	411,65	10	440,84
5	425,71	11	443,57
6	421,01	12	442,39

2. Tốc độ vòng quay trung bình của máy, vòng/phút:

(The rotation speed of the machine)

29

3. Kích thước cơ bản của máy (Basic size of the machine):

Chiều dài lòng ống, mm :

530

Đường kính trong lòng ống, mm :

720

Chiều dày thành ống, mm :

18,0

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

012

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC : ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, Khu vực 1, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

ĐT : 0775.992665 - 0909.992665 - Email : doluongcantho@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA KỸ THUẬT

TECHNICAL INSPECTION CERTIFICATE

Số (No): 100825/KĐ.DL CANTHO

### 1. Thiết bị (Equipment): MÁY GÔNG TỪ

- Mã hiệu (Model) : MP-A-2
- Số chế tạo (Serial No) : MP2330
- Nhà chế tạo (Manufacturer) : KOREA
- Năm chế tạo (Manufacturer year) : 2010

### 2. Thông số kỹ thuật cơ bản (Basic technological parameters on)

- Nguồn điện (Electric supply) : 220v
- Công suất (Rated output) : 60 Hz
- Kích thước bao (Dimension LxWxH) : (194 x 186 x 48) mm
- Chiều dày dây cáp nguồn (Power cable thickniss) : 4 mm
- Khoảng cách giữa hai tâm cực từ (Distace between two centers) : 130 mm
- Trọng lượng (Gross weight) : 3,2 kg

### 3. Thuộc đơn vị (The present user): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C

Địa chỉ (Add): 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

4. Kết quả: Thiết bị đã được kiểm tra kỹ thuật, các thông số kỹ thuật đảm bảo yêu cầu theo thiết kế của nhà chế tạo. Thiết bị đủ điều kiện để đưa vào sử dụng

(The equipment has been tested technically, the technical parameters ensure the requirements according to the manufacturer's design. Equipment is eligible to put into use).

5. Ngày kiểm tra (Inspection date) : 14-10-2025

6. Tem (Label) : 100801

7. Ngày kiểm tra kế tiếp (Net test date) : 14-10-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 10 năm 2025

Người Thực hiện  
Inspector

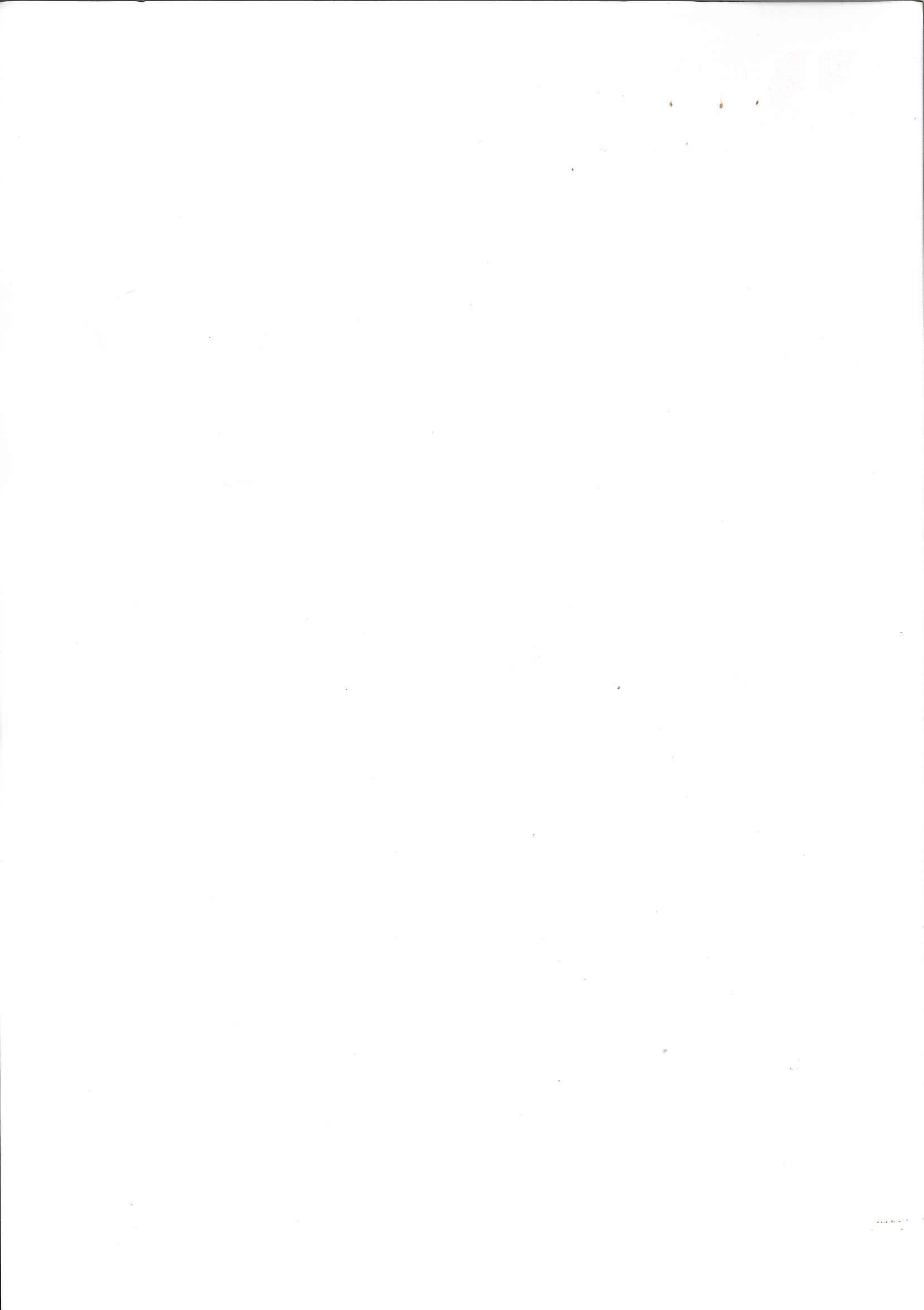
Lâm Quốc Dương

K.T. GIÁM ĐỐC  
Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): 25H 8469 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Lò nung

Kiểu (Type): SX2-4-10 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 26534

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0-1000) °C

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG  
AB&C

Địa chỉ (Address): Số 165/2 Nguyễn Thái Học, Phường Long Xuyên, An Giang

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 02.19:2019

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.08 - Đầu đo nhiệt độ chuẩn  
Độ không đảm bảo đo, U = 0,15°C

Kết quả (Results):

Giá trị chuẩn (°C)	100.00	200.00	400.00	600.00	800.00
Giá trị hiển thị (°C)	101.00	201.00	401.00	598.00	798.00
Số hiệu chỉnh (°C)	-1.00	-1.00	-1.00	2.00	2.00

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): (24 ± 2)°C

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 – 10 – 2026

Hà Nội, Ngày 15 tháng 10 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

### CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 1460 /APK/2025

Tên đối tượng:

ÁP KẾ LÒ XO

Object:

Kiểu:

Lò xo ống

Type:

Số/Mã nhận dạng: 03768

Serial no/ID:

Nơi sản xuất:

China

Manufacturer:

Năm:

Không rõ

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

- Phạm vi đo:

Measuring range:

(0 ÷ 4) MPa

- Giá trị vạch chia:

Division:

0,05 MPa

- Độ chính xác:

Accuracy:

2,5 %FS

Nơi sử dụng:

Place:

Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Người/Đơn vị sử dụng:

User:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C

Phương pháp thực hiện:

Method of verification:

ĐLVN 08 : 2011 Áp kế kiểu lò xo - Quy trình kiểm định

Kết luận:

Conclusion:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Số tem kiểm định:

Verification stamp N<sup>o</sup>:

65A 11182

Thời hạn đến: (\*)

Valid until:

30-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 10 tháng 9 năm 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Lâm Quốc Dương

GIÁM ĐỐC

Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Blank area for verification results, with a diagonal line drawn across it.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.15D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **BÀN DẪN (xác định độ lưu động của vữa tươi)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Seria): 22303

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): N/A

Năm sản xuất (Year): N/A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**

(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**

(Place of calibration) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: **ĐLCT 14: 2022 Bàn dẫn - Quy trình hiệu chuẩn**

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)
104K/HC	Cân kỹ thuật	ĐL Cần Thơ
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,1 ÷ 28,2) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/15

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 04-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 04-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 09 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D. (Head of Metrology)

**K. GIÁM ĐỐC**

(Director)

**Lâm Quốc Dương**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.15D/0925

Kết quả kiểm tra		Tham khảo TCVN 3121-3 : 2022
1. Khối lượng phần động của bàn dẫn	4260,65 g	(4,2 ÷ 4,5) kg
2. Phần động có cơ cấu điều chỉnh nâng lên hạ xuống	10,13 mm	(10 ± 0,2) mm
3. Khâu hình côn		
Đường kính trong đáy lớn	100,02 mm	(100 ± 0,5) mm
Đường kính trong đáy nhỏ	70,03 mm	(70 ± 0,5) mm
Chiều cao khâu	60,02 mm	(60 ± 0,5) mm
Chiều dày thành côn	2,02 mm	≥ 2 mm

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

*(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)*

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

*(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)*

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
*(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)*



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No) : 473.12D/0925

Tên phương tiện đo (Object) : **CÀN BENKELMAN (BENKELMAN BEAM)**

Kiểu (Type) : N/A

Số hiệu (Serial No): 1133

Năm sản xuất (Year): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer) : N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications) :

+ Đồng hồ so (Dial indicator) : - Kiểu (Type): N/A

- Cơ sở sản xuất (Manufacturer): SHAN

- Số hiệu (Serial No): J 182526

- Phạm vi đo (Measuring range) : ( 0 đến(to) 10 ) mm

- Giá trị vạch chia (Division): 0,01 mm

- Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/12A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**

(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**

(Place of calibration) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 09 : 2022 Càn Benkelman - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used) :

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Equipment)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
08D/HC	Đồng hồ so 50mm (Dial indicator 50mm)	ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment) : (28,2 ÷ 28,5) °C

Kết quả (Results) : Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label) : 473.25D/12

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : 08-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date) : 08-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)

**Lâm Quốc Dương**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.12D/0925

### Kết quả (Results):

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)  $y = 1,952 x$

Với (With) :  $y$  : Giá trị tính toán (Calculated value), mm

$x$  : Giá trị đọc trên đồng hồ so (Reading value), mm

Tỷ số truyền của cần (Beam fulcrum ratio) : 1,952 : 1

Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2$ , mức tin cậy 95% :  $U = 2,51$  % giá trị tính toán

(Expanded uncertainty of measurement with  $k = 2$ , at 95% confidence level):  $U = 2,51$  % Calculated value)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: deluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.05L/0925

Tên phương tiện đo (Object): **KÍCH THỦY LỰC VÀ ĐỒNG HỒ ĐO ÁP SUẤT**  
(HYDRAULIC CYLINDERS AND PRESSURE GAUGE)

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 719-2

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Khả năng tạo tải tối đa (Capacity): 120 kN

- Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu (Type): Lò xo ống + Nơi sản xuất (Manufacturer): China

(Pressure gauge) + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 719-2A

+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 400) kg/cm<sup>2</sup>

+ Giá trị vạch chia (Division): 10 kg/cm<sup>2</sup>

+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25L/05A

Cơ sở sử dụng:  
(Customer)

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**

Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi Hiệu chuẩn:

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**

(Place of Calibration)

Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện:

ĐLCT 06 : 2022 Kích thủy lực, máy (dàn) ép cọc thủy lực - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

Liên kết chuẩn (Traceability)

Hiệu Lực (Due Date)

04L/HC

Load cell 300 kN

VMI

01-2027

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,2 ÷ 28,5) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25L/05

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

P. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
D. (Head of Metrology)

K.T. **GIÁM ĐỐC**  
(Director)



VILAS 1265

**Lâm Quốc Dương**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): 473.05L/0925

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) kg/cm <sup>2</sup>	Giá trị tính toán (Calculated value) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0	/	0,00	/
80	22,978	22,740	1,33
100	28,994	28,720	1,24
120	35,010	34,947	1,16
150	44,034	42,898	1,54
180	53,058	52,953	1,12
200	59,074	59,023	1,11
250	74,114	74,068	1,10
300	89,154	89,653	1,12
350	104,194	104,525	1,10

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation):  $y = 0,3008x - 1,0858$

Với (With):  
y: Giá trị tính toán, kN  
(y: Calculated value, kN)  
x: Giá trị đọc trên phương tiện đo, kg/cm<sup>2</sup>  
(x: Reading on tester, kg/cm<sup>2</sup>)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%  
(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.06L/0925

Tên phương tiện đo (Object): **KÍCH THỦY LỰC**  
(HYDRAULIC CYLINDERS)

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 56911

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Khả năng tạo tải tối đa (Capacity): 1200 kN

- Bộ bơm thủy lực: + Kiểu (Type): N/A + Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

(Set of hydraulic pump) + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): N/A

- Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu (Type): Lò xo ống + Nơi sản xuất (Manufacturer): HONGQI

(Pressure gauge) + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): HC66530178837

+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 60) MPa

+ Giá trị vạch chia (Division): 1 MPa

+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25L/06A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi Hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of Calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 06 : 2022 Kích thủy lực, máy (dàn) ép cọc thủy lực - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)  
06L/HC

Tên chuẩn (Description)  
Load cell 3000 kN

Liên kết chuẩn (Traceability)  
VMI

Hiệu Lực (Due Date)  
01-2027

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,3 ÷ 28,4) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25L/06

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 10 tháng 9 năm 2025  
(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Head of Metrology)

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



VILAS 1265



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)  
112

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): 473.06L/0925

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) MPa	Giá trị tính toán (Calculated value) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0	/	0,00	/
10	197,95	195,25	1,48
15	298,27	296,55	1,04
20	398,59	398,86	1,00
25	498,90	502,26	1,00
30	599,22	600,85	1,00
35	699,54	698,92	1,00
40	799,85	792,55	1,00
45	900,17	898,54	1,00
50	1000,49	1006,51	1,00

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation):  $y = 20,0633x - 2,6792$

Với (With): y: Giá trị tính toán, kN

(y: Calculated value, kN)

x: Giá trị đọc trên phương tiện đo, MPa

(x: Reading on tester, MPa)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.22D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): C139245 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
 (Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
 (Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn**  
 (Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lức (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,4 ÷ 25,5) °C (52 ÷ 53) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/22

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
 (Head of Metrology)

**K.T. GIÁM ĐỐC**  
 (Director)



VILAS 1265



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang: (No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.22D/0925

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	-10 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	6 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	6 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	1 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.24D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): C139116 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):

- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lức (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,4 ÷ 25,6) °C (53 ÷ 54) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/24

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

*D.* (Head of Metrology)

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



VILAS 1265



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

112

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.24D/0925

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	7 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	4 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	1 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.27D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): C136845 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**

(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**

(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lức (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,4 ÷ 25,5) °C (51 ÷ 52) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/27

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỜNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D. (Head of Metrology)

**K.T. GIÁM ĐỐC**

(Director)



VILAS 1265



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.27D/0925

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	7 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	-5 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.20D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): E06849E Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):

- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, Tp.Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,4 ÷ 25,6) °C (53 ÷ 54) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/20

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D - (Head of Metrology)

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



VILAS 1265



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.20D/0925

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	7 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	4 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	1 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.25D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): A234706 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
 (Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
 (Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn**  
 (Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,4 ÷ 25,6) °C (52 ÷ 53) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/25

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D- (Head of Metrology)

**K.T. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



VILAS 1265



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.25D/0925

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	7 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-6 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	2 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	1 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	2 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.26D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): G190255 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
 (Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
 (Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
 (Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,4 ÷ 25,5) °C (53 ÷ 54) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/26

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D - (Head of Metrology)



**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.26D/0925

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	-10 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	6 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	6 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	1 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.21D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): C139193 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
 (Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
 (Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
 (Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,4 ÷ 25,6) °C (52 ÷ 53) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/21

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)

**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**



**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.21D/0925

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	7 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-6 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	2 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	1 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	2 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.23D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): E06877E Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):

- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lọc (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,4 ÷ 25,5) °C (51 ÷ 52) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/23

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

P-TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

D. (Head of Metrology)

KF. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



VILAS 1265



Nguyễn Hữu Nghị

Lâm Quốc Dương

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.23D/0925

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	7 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	-5 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.17D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
Kiểu (Type): N/A  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): A60713 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ  
Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,2 ÷ 25,3) °C (54 ÷ 56) %RH  
Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/17

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

*P.* **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
*D.* (Head of Metrology)

*K.T.* **GIÁM ĐỐC**  
(Director)



VILAS 1265



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.17D/0925

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	-8 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-6 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	-5 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	1 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.19D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
 Kiểu (Type): N/A  
 Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): J191691 Mã nhận dạng (ID): N/A  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
 Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
 (Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
 (Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
 (Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,4 ÷ 25,5) °C (53 ÷ 54) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/19

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

P. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
 D. (Head of Metrology)

K.T. **GIÁM ĐỐC**  
 PHÓ **GIÁM ĐỐC**  
 (Director)



VILAS 1265



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

112

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.19D/0925

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	6 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	4 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	-5 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

DL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.18D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): J151717 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
 (Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
 (Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
 (Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,4 ÷ 25,5) °C (53 ÷ 54) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/18

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

*D.* (Head of Metrology)



VILAS 1265

**K.T. GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.18D/0925

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	-13 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	7 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	7 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	12 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	2 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.16D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
Kiểu (Type): N/A  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): A55418 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**  
(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,3 ÷ 25,4) °C (55 ÷ 56) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/16

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 09-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 09-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

*D.* (Head of Metrology)



**Lâm Quốc Dương**

**K.T. GIÁM ĐỐC**

(Director)





# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 473.16D/0925

Kết quả (Results) :

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	10 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	4 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-7 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	5 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG  
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

DL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình,  
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665  
Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 0054 /DTD/2025

Tên đối tượng:

MÁY ĐO ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT

Object:

Kiểu: 4105A Số: W8190159

Type: Serial No:

Nơi sản xuất: KYORITSU - Thái Lan Năm: Không rõ

Manufacturer: Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Phạm vi đo: (0 ÷ 1999) Ω

Specifications: Measuring range:

Nơi sử dụng: Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Place:

Người/Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C

User:

Phương pháp thực hiện: DLVN 143: 2019 Phương tiện đo điện trở tiếp đất -  
Quy trình kiểm định

Method of verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định: 65A 11181

Verification stamp N<sup>o</sup>:

Thời hạn đến: (\*) 30-9-2026

Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 10 tháng 9 năm 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Văn Luân

K.T. GIÁM ĐỐC

Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)



# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH VERIFICATION RESULTS

Số (N°): 0054 /DTD/2025

## Đặc trưng đo lường (Specifications):

Thang đo <i>Level</i>	Phạm vi đo <i>Measuring range</i>	Sai số cho phép của nhà sản xuất <i>Manufacturer's allowable deviation</i>
20 $\Omega$	(0,00 ÷ 19,99) $\Omega$	$\pm 2\%$ giá trị đọc $\pm 0,1 \Omega$
200 $\Omega$	(0,0 ÷ 199,9) $\Omega$	$\pm 2\%$ giá trị đọc $\pm 3$ dgt (lớn hơn 20 $\Omega$ )
2000 $\Omega$	(0 ÷ 1999) $\Omega$	

4



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 473.14D/0925

Tên phương tiện đo (Object): **DỤNG CỤ VICAT**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Seria.): 28

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Năm sản xuất (Year): N/A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**

(Customer) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AB&C**

(Place of calibration) Số 165/2 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: **ĐLCT 11: 2022 Dụng cụ Vicat - Quy trình hiệu chuẩn**

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)
108K/HC	Cân kỹ thuật	ĐL Cần Thơ
06D/HC	Thước vận đo ngoài	ĐL Cần Thơ
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,1 ÷ 28,3) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 473.25D/14

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-9-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-9-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)

**K.T. GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)  
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N°): 473.14D/0925

Kết quả kiểm tra kích thước (mm)		Mức quy định theo TCVN 6017:2015
<b>Kim thử độ dẻo tiêu chuẩn (kim to)</b>		
Chiều dài thân	50,89	$\geq 45$
Đường kính	9,95	$10,00 \pm 0,05$
<b>Kim thử thời gian bắt đầu đông kết (kim nhỏ)</b>		
Chiều dài thân	50,15	$\geq 45$
Đường kính	1,10	$1,13 \pm 0,05$
<b>Kim thử thời gian kết thúc đông kết (kim có gắn mũ)</b>		
Chiều dài thân	30,47	$30 \pm 1$
Chiều dài mũ	0,50	$0,5 \pm 0,1$
Đường kính mũ	1,10	$1,13 \pm 0,05$
Chiều dài mũ	6,0	6
Đường kính mũ	5,0	5
<b>Khuôn Vicat</b>		
Chiều cao	40,09	$40,0 \pm 0,2$
Đường kính đáy nhỏ	65,61	$75 \pm 10$
Đường kính đáy lớn	73,92	$75 \pm 10$
Bề dày khuôn	5,25	$\geq 2,5$
<b>Kết quả kiểm tra khối lượng (g)</b>		
- Kim thử độ dẻo tiêu chuẩn và trục chuyển động	299,85	$300 \pm 1$
- Kim thử thời gian bắt đầu đông kết và trục chuyển động	299,65	$300 \pm 1$
- Kim thử thời gian kết thúc đông kết và trục chuyển động	299,95	$300 \pm 1$

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)